

TỔNG HỢP TIN TỨC THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chứng khoán Mỹ tăng điểm mạnh mẽ sau kỳ nghỉ lễ Phục sinh. Dow Jones tiến sát mốc 11.000 điểm.

Tuần qua, thông tin khả quan về việc làm, sản lượng công nghiệp và doanh số ô tô tại Mỹ cho thấy nền kinh tế đầu tàu của thế giới này đang có những bước tiến vững chắc trên đường phục hồi.

Phát biểu trong bài phỏng vấn do hãng truyền thông ABC thực hiện, cố vấn kinh tế cao cấp của Tổng thống, ông Lawrence Summers cho rằng thị trường lao động đang lấy lại đà cải thiện, tuy nhiên tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức cao, và do đó kinh tế cần thêm thời gian để hồi phục ổn vững chắc hơn.

Bộ trưởng tài chính Mỹ, ông Timothy Geithner trì hoãn báo cáo về vấn đề tiền tệ dự kiến được đưa ra ngày 15/4 tới. Gần đây một số nhà lập pháp tại Mỹ lên án Trung Quốc giữ tỷ giá đồng nhân dân tệ thấp như một biện pháp trợ cấp cho ngành xuất khẩu nước này, nguyên nhân gây lên thâm hụt khổng lồ trên cán cân thương mại với Mỹ. Sức ép đòi Bộ tài chính Mỹ đưa Trung Quốc vào danh sách những nước có hành động thao túng tiền tệ ngày càng lớn. Tuy nhiên trong bối cảnh Mỹ đang tìm kiếm sự ủng hộ của Trung Quốc về vấn đề hạt nhân tại Iran, nhiều khả năng Mỹ sẽ tạm thời gác lại bất đồng về tiền tệ với Trung Quốc, đặc biệt trước chuyến thăm của Chủ tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào vào ngày 12/4.

Thị trường Châu Á đồng loạt tăng điểm, chỉ số MSCI Châu Á - Thái Bình Dương đạt mức 126.77 điểm tính tới 4 giờ chiều ngày 5/4 tại thị trường Tokyo. Động lực chính thúc đẩy thị trường khu vực này lên mức cao nhất trong vòng hơn 1 năm qua là những thông tin tích cực tới từ Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới. Đồng Đô la hồi phục cũng là nhân tố hỗ trợ cho kinh tế và từ đó thị trường chứng khoán những nước xuất khẩu tại khu vực Châu Á như Nhật, Hàn Quốc...

Giá dầu thô đã chạm mức cao nhất trong vòng 18 tháng nay. Giá dầu giao tháng 5 tại thị trường New York tại thời điểm 4:48 chiều ngày 5/4 đã lên mức 86,79 đô la/thùng. Giá vàng tiếp tục hồi phục về mức 1.132 đô la/oz.

Thị trường chứng khoán thế giới

Mỹ	Đóng cửa	Thay đổi	±%
Dow Jones	10.973,55	+46,48	+0,43
Nasdaq	2.429,53	+26,95	+1,12
S&P 500	1.187,44	+9,34	+0,79
Châu Âu			
FTSE 100	5.744,89	+65,25	+1,15
DAX 30	6.235,56	+82,01	+1,33
CAC 40	4.034,23	+60,22	+1,52
Châu Á			
Nikkei 225	11.339,3	+53,21	+0,47
Hang Seng	21.537,00	+297,65	+1,04
Shanghai	3.157,96	+10,54	+0,33

Thị trường dầu, vàng và dollar

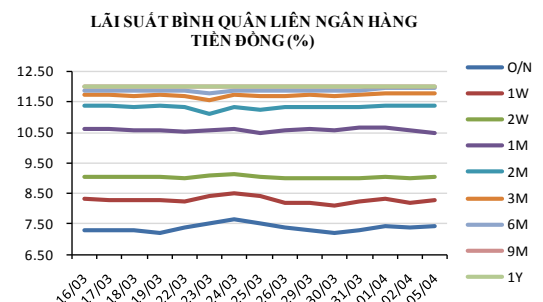
	Giá	Giao dịch ³
Dầu thô ¹	86,79	4:48 pm
Vàng ²	1.132,7	4:51 pm
US dollar index	81,26	4:59 pm

1- Dầu thô nhẹ giao tháng 5 - New York Mercantile Exchange

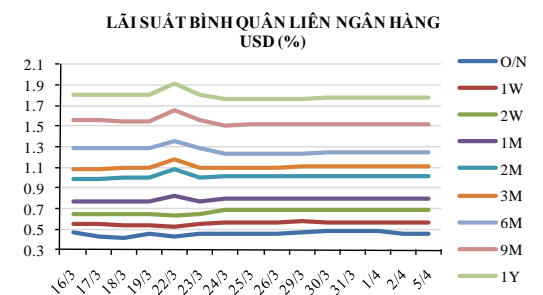
2- Vàng kỳ hạn giao tháng 6 - Commodity Exchange Inc.

3- Phiên giao dịch theo giờ New York (GMT-5)

Nguồn: Yahoo Finance



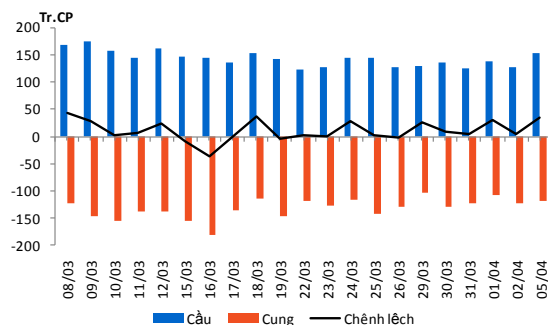
Nguồn: Thomson Reuters



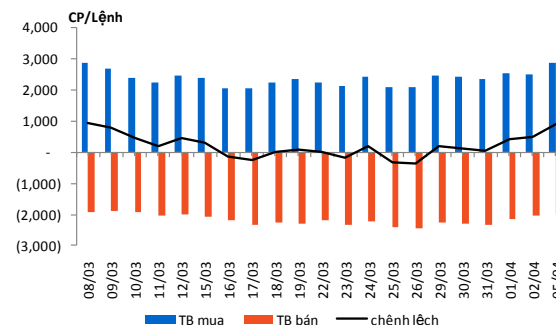
Nguồn: Thomson Reuters

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

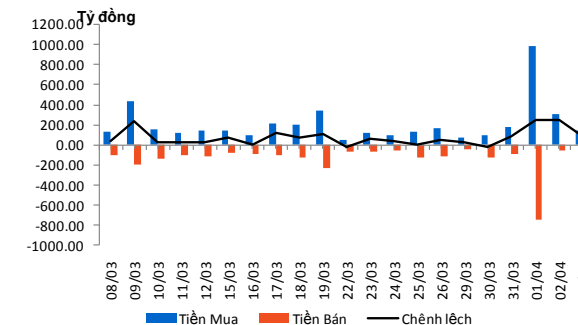
Diễn biến Cung – Cầu (niêm yết)



Diễn biến trung bình lệnh mua/bán (niêm yết)



Diễn biến giao dịch của NĐTNN (niêm yết)



HSX

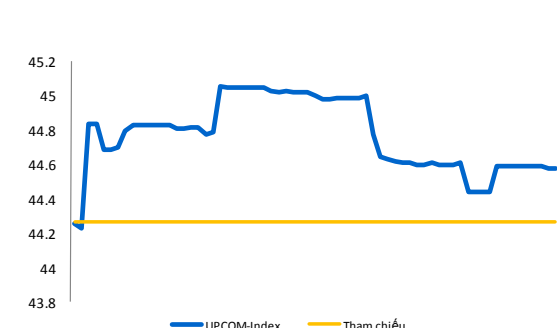
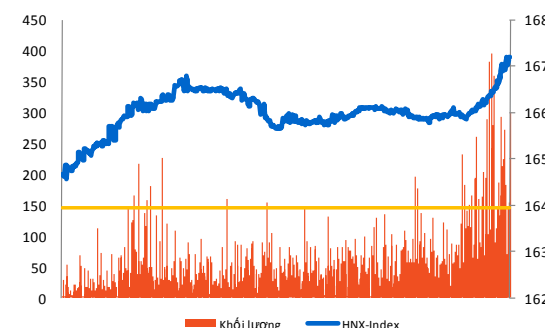
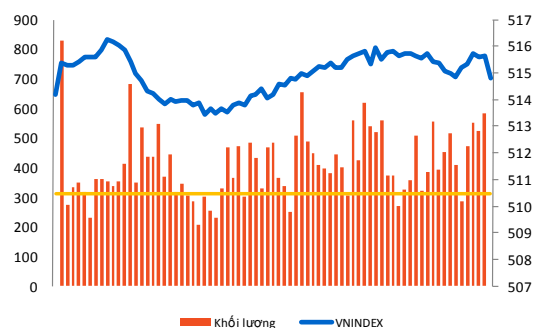
	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	514.79 ↑	4.31	0.84%
KLGD (triệu ck)	44.07 ↑	0.60	1.39%
GTGD (tỷ đồng)	1,669.23 ↓	-85.75	-4.89%
Tổng cung (triệu ck)	77.18 ↓	-7.93	-9.32%
Tổng cầu (triệu ck)	93.03 ↑	10.50	12.73%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	2.79 ↓	-1.65	-37.15%
KL bán (triệu ck)	1.31 ↑	0.15	12.86%
Giá trị mua (tỷ đồng)	133.16 ↓	-162.19	-54.92%
Giá trị bán (tỷ đồng)	48.99 ↓	-1.61	-3.18%

HNX

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	167.18 ↑	3.07	1.87%
KLGD (triệu ck)	34.87 ↑	10.20	41.31%
GTGD (tỷ đồng)	1,159.22 ↑	306.15	35.89%
Tổng cung (triệu ck)	41.87 ↑	4.76	12.83%
Tổng cầu (triệu ck)	60.09 ↑	16.46	37.72%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.23 ↓	-0.06	-19.48%
KL bán (triệu ck)	0.17 ↓	-0.14	-45.91%
Giá trị mua (tỷ đồng)	6.69 ↓	-3.66	-35.34%
Giá trị bán (tỷ đồng)	4.27 ↓	-3.04	-41.62%

UPCOM

	Giá trị	Thay đổi	± %
UPCOM-Index	44.91 ↑	0.65	1.47%
KLGD (triệu ck)	0.20 ↓	-0.03	-12.10%
GTGD (tỷ đồng)	2.67 ↓	-0.45	-14.38%
Tổng cung (triệu ck)	0.00 ↓	-0.60	-100.00%
Tổng cầu (triệu ck)	0.00 ↓	-0.62	-100.00%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.01 ↑	0.01	0.00%
KL bán (triệu ck)	0.00 ↑	0.00	0.00%
Giá trị mua (tỷ đồng)	0.26 ↑	0.26	0.00%
Giá trị bán (tỷ đồng)	0.00 ↑	0.00	0.00%



HSX**5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất**

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
LCG	76,000	76,000	0.00	66,569
REE	50,500	52,000	2.97	62,667
SAM	32,100	32,200	0.31	60,648
HAG	83,500	84,000	0.60	56,839
SSI	43,900	44,200	0.68	45,073

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
LAF	30,000	31,500	1,500	5.00
MCG	42,000	44,100	2,100	5.00
VIP	20,000	21,000	1,000	5.00
KMR	14,100	14,800	700	4.96
CMG	24,200	25,400	1,200	4.96

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
RDP	22,400	21,300	-1,100	-4.91
VPH	63,000	60,000	-3,000	-4.76
NHW	21,800	20,800	-1,000	-4.59
GIL	39,700	37,900	-1,800	-4.53
FPC	6,800	6,500	-300	-4.41

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HAG	11,387	ANV	8,606
VIC	10,314	HAG	4,415
HPG	10,201	DPM	4,084
REE	6,884	KDC	3,217
DPM	6,601	BMP	2,950

HNX**5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất**

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
PVX	24,600	26,300	6.91	176,904
VCG	53,400	54,900	2.81	70,582
PVA	65,300	69,800	6.89	61,947
KLS	23,600	24,100	2.12	44,885
BVS	38,100	38,200	0.26	35,697

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
HCT	18,600	19,900	1,300	6.99
GHA	31,500	33,700	2,200	6.98
HHC	34,400	36,800	2,400	6.98
HUT	41,600	44,500	2,900	6.97
RCL	83,200	89,000	5,800	6.97

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
SED	14,600	13,600	-1,000	-6.85
BST	10,900	10,200	-700	-6.42
VBC	40,200	37,800	-2,400	-5.97
ALT	22,400	21,100	-1,300	-5.80
HLC	18,300	17,300	-1,000	-5.46

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
PVX	2,605	PVS	1,582
PVI	1,920	PVX	655
BVS	644	TC6	479
VNR	365	NVC	256
VND	277	DXP	203

UPCOM**5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất**

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
HDO	12,600	13,500	7.14	710
APS	13,300	13,000	-2.26	590
UDJ	12,900	12,800	-0.78	576
HIG	22,700	22,900	0.88	347
CLS	9,000	9,700	7.78	105

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
GTH	10,900	11,900	1,000	9.17
STS	27,500	30,000	2,500	9.09
TNM	7,700	8,400	700	9.09
VDS	15,400	16,600	1,200	7.79
CLS	9,000	9,700	700	7.78

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
BMJ	24,600	22,400	-2,200	-8.94
ACE	17,500	16,300	-1,200	-6.86
ABI	8,700	8,300	-400	-4.60
VPC	6,500	6,300	-200	-3.08
CFC	21,500	21,000	-500	-2.33

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HIG	258		0

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CÁC DOANH NGHIỆP THUỘC TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ

Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa	KLGD (10 cp)	Tăng/Giảm (%)	Nơi giao dịch
DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	33.6	32,203	↑ 0.90	HSX
ICG	Công ty CP Xây dựng Sông Hồng	33.3	90,150	↑ 6.73	HNX
NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	9.0	2	↑ 4.65	UPCOM
PDC	Công ty CP Du lịch Dầu khí Phương Đông	11.2	8,950	↑ 0.90	HNX
PET	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Dầu khí	27.0	59,799	↑ 1.12	HSX
PGD	Công ty CP Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	48.6	18,252	↓ -0.41	HSX
PGS	Công ty CP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	26.9	13,390	↑ 6.75	HNX
PHH	Công ty CP Hồng hà Dầu khí	45.3	60,760	↑ 6.84	HNX
PSB	CTCP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	7.5	173	↑ 7.14	UPCOM
PSP	Công ty CP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	7.4	-	→ 0.00	UPCOM
PVA	Công ty CP Xây dựng Dầu khí Nghệ An	69.8	89,040	↑ 6.89	HNX
PVC	Công ty CP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	26.9	20,890	↑ 6.75	HNX
PVD	Công ty CP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	58.0	13,977	→ 0.00	HSX
PVE	Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết bị Dầu khí	16.8	4,270	↑ 3.70	HNX
PVF	Tổng công ty CP Tài chính Dầu khí	30.0	33,004	↓ -1.64	HSX
PVG	Công ty CP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	24.1	26,600	↑ 6.64	HNX
PVI	Tổng công ty CP Bảo hiểm Dầu khí	30.0	30,430	↓ -2.91	HNX
PVS	Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	31.5	18,840	↑ 2.27	HNX
PVT	Tổng công ty cổ phần vận tải Dầu khí	12.6	20,094	↓ -0.79	HSX
PVX	Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	26.3	677,510	↑ 6.91	HNX

LỊCH SỰ KIỆN

Lịch đấu giá các công ty

Công ty	VĐL (tỷ đồng)	Tổng số CP chào bán	Giá khởi điểm (đ/cp)	Ngày đấu giá	Thời gian nhận đặt cọc
Xí nghiệp in Báo Thanh Niên lần 2	78.5	1771351	10200	26/04/2010	Từ 02/04/2010.
Công ty công trình Viettel	238	1925000	10000	08/04/2010	0

Danh sách các công ty mới nộp hồ sơ xin niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày nộp hồ sơ
CTCP Bao bì Hà Tiên	HNX	40	01/04/2010
CTCP Dược Lâm Đồng	HNX	17	01/04/2010
CTCP Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	HSX	350	01/04/2010

Danh sách các công ty đã được chấp thuận niêm yết

Công ty	Địa chỉ đăng ký niêm yết	VĐL (tỷ đồng)	Ngày được chấp thuận
CTCP Phát triển hạ tầng và bất động sản Thái Bình Dương	HSX	100.14753	05/04/2010
CTCP Bến xe Miền Tây	HNX	25	01/04/2010
Công ty cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương – Becamex TDC	HSX	200	01/04/2010

Lịch niêm yết lần đầu

Công ty	Mã CK	Địa chỉ niêm yết	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Giá chào sàn (Đồng)	Ngày giao dịch
CTCP Xây dựng và Chế biến lương thực Vĩnh Hà	VHF	UPCOM			07/05/2010
CTCP Que hàn Việt Đức	QHD	HNX	27.42		22/04/2010
CTCP Licogi 13	LIG	HNX	60.00		22/04/2010
CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	SPD	UPCOM			22/04/2010
CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung	SPD	UPCOM			22/04/2010
CTCP Thép Nhà Bè	TNB	UPCOM			16/04/2010
CTCP Vật tư Bến Thành	VT1	UPCOM			15/04/2010
Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành	BTT	HSX	88.00		14/04/2010
CTCP Nước khoáng Khánh Hòa	VKD	UPCOM			12/04/2010
CTCP Tập đoàn Nhựa Đông Á	DAG	HSX	100.00	12/04/1949	08/04/2010
CTCP Chứng khoán SME	SME	HNX	150.00		07/04/2010
CTCP Chứng khoán An Phát	APG	HNX	135.00		05/04/2010
CTCP Thép Đà Nẵng	DNS	UPCOM			05/04/2010

Nguồn: HSX, HSX

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích - Ban Chiến lược Kinh doanh - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Phòng phân tích – Ban chiến lược kinh doanh

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 62789898 (Ext.: 400)



CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ

Trụ sở chính:

20 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 62789898; Fax: (84-4) 62788989

Phòng giao dịch số 2:

Tầng 1, tòa nhà Petro Việt Nam, số 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37727308; Fax: (84-4)37727312

Phòng giao dịch số 3

Tầng 1, tòa nhà 22 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội – ĐT: (84-4) 39393875-77; Fax: (84-4) 39393874

Phòng giao dịch số 4

Tầng 1, số 4A Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội – ĐT: (84-4)37724434; Fax: (84-4)39426800

Chi nhánh TP.HCM:

Số 1-5 Lê Duẩn, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT: (84-8) 39111818; Fax: (84-8) 39111919

Chi nhánh Vũng Tàu:

Phòng 112, Tòa nhà Petro Tower, số 08 Hoàng Diệu, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339